TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST Ngày: 03 – 4 – 2025 V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

2. Ông Huỳnh Văn Thức

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 51/2025/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng Thị B, sinh năm 1988; nơi thường trú: 149G khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1987; nơi thường trú: 149G khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn – bà Phùng Thị B trình bày:

Bà B và ông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 07 tháng 12 năm 2013, theo giấy chứng nhận kết hôn số 102/2013, quyển số 01/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường nhưng đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế như ông D mở

tiệm sửa xe máy nhưng không tu chí làm ăn, ban đêm thì tham gia đội bảo vệ dân phố, ban ngày thì đóng tiệm sửa xe để ngủ. Sau đó học nghề lái xe tải cũng không đi làm nghề lái xe. Trong thời gian ông D tham gia đội bảo vệ dân phố thì bà Bích sinh 02 con nhưng ông D cứ đi trực đêm khu phố không chăm lo cho vợ con trong khi vợ chồng đã ra sống riêng nhà trọ không sống chung với gia đình bà B rất khó khăn. Nhiều đêm con ốm đau bà B phải đi tìm kiếm ông D về phụ giúp chăm sóc con nhưng ông D không quan tâm. Mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng chồng chất, vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau vì cứ nói là cãi nhau. Thời điểm bà B nộp đơn ly hôn thì ông D chửi bới hàng xóm, gia đình bên ngoại xúi bà B ly hôn nhưng bà B cho rằng lý do ly hôn do bà B không còn yêu thương và không muốn sống chung với ông D một ngày nào nữa. Ngoài ra khi say rượu là ông D chửi bà B có quan hệ với người đàn ông khác với lời lẽ xúc phạm. Vợ chồng mặc dù còn sống chung nhà nhưng không ăn cơm chung, không ngủ chung. Trong thời gian Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì ông D có đưa cho bà B 8.000.000 đồng để bà B trang trải chi phí gia đình nhưng bà B chỉ lấy 2.000.000 đồng để đóng tiền học cho con. Bà B xác định nay ông D có đưa bao nhiêu tiền thì bà B không đồng ý đoàn tụ vì không còn tình cảm. Bà B xác định không còn yêu thương ông D nữa nhất quyết xin ly hôn.

Trong quá trình chung sống thì ông D và bà B có 02 con chung Nguyễn Thảo M, sinh ngày 23/4/2016 và Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 16/10/2018. Hiện nay các con đang do bà B và ông D chăm sóc, bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì các con còn nhỏ, là con gái cần sự chăm sóc, quan tâm của người mẹ, bà B có công việc, thu nhập ổn định nên có điều kiện chăm sóc cho con tốt hơn ông D. Ngoài ra bà B sống gần cha mẹ ruột nên là điều kiện thuận lợi có người hỗ trợ chăm sóc các con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu ông Nguyễn Quốc D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ: Căn cước công dân (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); trích lục kết hôn (bản sao).

Quá trình tố tụng bị đơn – ông Nguyễn Quốc D trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của bà B về thời gian và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn thống nhất theo lời trình bày là trước đây không phụ giúp vợ chăm sóc gia đình vì ông D bị bệnh đột quỵ. Thời gian này ông D mới chữa trị gần xong hết bệnh và hứa sẽ thay đổi, hàng tháng đi làm sẽ đưa hết tiền lương cho bà B và hứa sẽ phụ vợ chăm sóc con cái, phụ giúp việc nhà cho vợ bớt vất vả.

Tại phiên tòa ông D trình bày tháng lương này thì ông D đã đưa cho bà B hết nhưng bà B chỉ lấy một phần nhỏ, ông D cũng tích cực nhờ gia đình bên vợ tác động đoàn tụ nhưng bà B không đồng ý.

Về con chung: Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông D giữ nguyên ý kiến của mình. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung giao cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 23/4/2016 và Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 16/10/2018 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà B khởi kiện ông D yêu cầu được ly hôn, tranh chấp người nuôi con hiện đang trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà B và ông D tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc vợ chồng không thấu hiểu, san sẻ nhau trong cuộc sống hôn nhân dẫn đến cãi vã không tôn trọng lẫn nhau nên bà B đã không còn còn yêu thương ông D và nhất quyết ly hôn. Từ đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B được ly hôn với ông D.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 23/4/2016 có nguyện vọng muốn sống với mẹ, cháu Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 16/10/2018 còn nhỏ và đều là con gái nên cần được sự chăm sóc của người mẹ. Ngoài ra bà B có công việc và thu nhập ổn định, làm giờ hành chính, sống gần cha mẹ ruột nên Hội đồng xét xử giao các con do bà B nuôi dưỡng là phù hợp. Bà B không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị B về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Nguyễn Quốc D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Quốc D.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 23/4/2016 và cháu Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 16/10/2018 cho bà Phùng Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phùng Thị Bích K yêu cầu ông Nguyễn Quốc D cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết

2. Về án phí: Bà Phùng Thị Bích P chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000623 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị N1